

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

- Bản án số: 14/2021/DS - ST
- Ngày: 29 - 4 - 2021
- V/v: " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui* ".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Danh Pì Sách.**

- *Các Hội Thẩm Nhân Dân:* 1. Ông **Vũ Văn Hợp;**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** - Kiểm sát viên.

Trong 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS, ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phù Thạch Th**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Hòa Ph, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Th có mặt tại phiên tòa)

* *Bị đơn:* Bà **Trần Thanh H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp Hòa Ph, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phù Thạch Th trình bày:*

Trước ngày 02/10/2016 âm lịch, bà H có vay tiền của chị nhiều lần, không có làm biên nhận, đến ngày 02/10/2016 âm lịch thì chị và bà H có chốt nợ với nhau là bà H còn nợ chị số tiền 32.000.000 đồng và thỏa thuận bà H trả dần số tiền này mỗi tháng là 800.000 đồng, sau đó bà H trả được 20 lần với số tiền là 1.000.000 đồng. Kể từ sau ngày 02/10/2016 âm lịch bà H có vay tiền chị thêm nhiều lần nữa nhưng không có làm biên nhận, do đó đến ngày 27/9/2018 âm lịch, bà Hằng có làm biên nhận chốt nợ với chị tổng cộng số tiền là 66.000.000 đồng, trong thời gian này bà H trả được cho chị 600.000 đồng, sau đó bà H có trả cho chị được 1.000.000đ, tổng cộng bà H trả được là 1.600.000đ, do đó hiện tại bà H chỉ còn nợ chị số tiền vay là 64.400.000đ.

Ngoài ra, bà H có tham gia 03 chân hội trong 03 dây hội do chị làm chủ cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: hội áp ngày 11/4/2017 âm lịch, 1.000.000/tháng, gồm có 16 hội viên, bà H đã hốt xong, đóng hội chết đến lần thứ 14 thì không đóng, còn nợ lại 03 lần x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng.

Dây thứ hai: hội áp ngày 14/6/2018 âm lịch, hội tuần, 200.000 đồng/tuần, gồm có 46 hội viên, bà H đã hốt xong, bà H còn nợ lại 25 lần x 200.000 đồng = 5.000.000 đồng.

Dây thứ ba: hội áp ngày 26/6/2018 âm lịch, 1.000.000/tháng, gồm có 18 hội viên, bà Hằng đã hốt xong, bà H còn nợ lại 15 lần x 1.000.000 đồng = 15.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hội là 23.000.000đ nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Thảo chỉ yêu cầu bà H trả cho chị số tiền hội là 20.000.000đ.

Đến ngày 20/9/2019, bà H có làm biên nhận nợ chị với số tiền tổng cộng là 89.000.000, trong đó nợ tiền vay là 66.000.000đ và tiền hội là 23.000.000đ đồng và bà Hằng cam kết trả dần cho chị nhưng từ đó đến nay bà H không trả.

Nay chị Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Th giải quyết buộc bà Trần Thanh H phải trả cho chị số tiền tổng cộng là: 84.400.000đ (Tám mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó tiền vay gốc là 64.400.000 đồng, tiền hội là

20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị Th không yêu cầu chồng bà H tên Trần Văn Ph cùng có trách nhiệm trả số tiền vay và tiền hụi nêu trên cho chị. Chị Thảo xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 4.600.000đ, trong đó tiền vay là 1.600.000đ, tiền hụi là 3.000.000đ.

** Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thanh H trình bày:*

Vào khoảng 18 giờ ngày gần tết năm 2020 (không nhớ rõ ngày tháng), cô Th đưa cho bà tờ giấy kê bà ký nhận nợ vì lúc đó bà đang nợ cô Th số tiền 12.000.000 đồng (vay từ năm 2016) và tiền hụi tuần, hụi tháng, tổng cộng khoảng 20.000.000 đồng chứ không đến mức 89.000.000 đồng như trong tờ cam kết mà bà đã ký với chị Th. Lúc đó có mặt bà, con bà - Trần Huyền Tr và cô Th. Thực tế bà chỉ có nợ cô Th các khoản tiền như sau:

Đối với tiền vay: vào năm 2016, bà có vay 12.000.000 đồng của cô Th, cứ mỗi tuần thì bà đóng lãi một lần, đến nay thì số tiền này cô Th đã trừ vào tiền hụi bà hốt được nhưng không biết rõ là tiền của dây hụi tuần hay hụi tháng.

Đối với tiền hụi: Bà có tham gia 03 chân hụi trong một dây hụi tuần, 200.000 đồng/tuần x 3 chân = 600.000 đồng/tuần do cô Th làm chủ (không nhớ rõ hụi áp ngày tháng năm nào, không rõ bao nhiêu người tham gia vì cô Thảo không đưa giấy hụi cho bà). Khi đóng được khoảng 2 - 3 lần thì cô Thảo nói là đã hốt hụi của bà để trừ nợ nhưng không nói là hốt được bao nhiêu tiền và cô Thảo có đưa 500.000 đồng cho con bà - Trần Huyền Tr.

Sau đó bà tham gia 01 chân hụi tháng 1.000.000 đồng/tháng do cô Th làm chủ hụi (không nhớ rõ hụi áp ngày tháng năm nào, không rõ bao nhiêu người tham gia vì cô Th không đưa giấy hụi). Bà đóng được vài lần thì cô Th cũng nói là đã hốt hụi của bà để trừ nợ nhưng không nói rõ là hốt được bao nhiêu tiền và có đưa cho bà 800.000 đồng.

Bà xác định Biên nhận nêu trên là do cô Th đánh máy sẵn đưa cho bà ký tên, bà xác định chữ ký tên H và dòng chữ “*đã đọc*” là do bà ký, bà viết. Nhưng khi ký tên vào biên nhận nêu trên thì bà không có đọc lại nội dung biên nhận, cô Thảo cũng không có đọc lại nội dung cho bà nghe.

Bà khẳng định khi ký biên nhận cho cô Th là bà chỉ nợ cô Th tiền vay và tiền hụi khoảng 20.000.000 đồng chứ không nợ số tiền 89.000.000 đồng.

Ngoài ra bà không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đối với số tiền bà nợ cô Th như lời trình bày của bà như đã nêu.

Tại phiên tòa hôm nay bà H thừa nhận có nợ chị Th số tiền vay gốc là 64.400.000đ và xin trả cho chị Th mỗi tháng 200.000đ cho đến khi dứt nợ, còn đối với số nợ tiền hụi 20.000.000đ thì bà H không thừa nhận vì khi hốt chị Th không đưa cho bà nhưng bà có đóng tiền hụi chết cho chị Th được 1 số lần.

** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phù Thạch Th buộc bị đơn bà Trần Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho chị Th số tiền vay là 64.400.000 đồng, tiền hụi là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 84.400.000đ (Tám mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phù Thạch Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thanh H trả cho chị Th số tiền vay và tiền hụi còn nợ, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*”, đồng thời bị đơn bà H có nơi cư trú tại ấp Hòa Ph, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa chị Th và bà H cùng xác định bà H còn nợ chị Th số tiền vay gốc là 64.400.000.000 đồng, bà H yêu cầu trả dần 200.000đ/tháng nhưng chị Th không đồng ý, do đó yêu cầu của chị Th là có căn cứ. Đối với số tiền

hội chị Th yêu cầu 20.000.000 đồng mặc dù bà H không đồng ý trả tiền hội này nhưng tại phiên tòa lời trình bày của bà H không thống nhất, ban đầu bà H thừa nhận còn nợ tiền hội là 20.000.000 đồng, sau đó thì không thừa nhận nợ tiền hội vì bà cho rằng bà có tham gia chơi hội nhưng không hốt hội và bà có đóng lại tiền hội chết cho chị Th việc bà H trình bày là không có cơ sở vì nếu chị Th lại đưa tiền hội cho bà nhưng bà lại đóng hội chết cho chị Th. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án chị Th đưa ra tài liệu chứng cứ là biên nhận nợ ngày 20/9/2019 thể hiện việc chốt số tiền vay và tiền hội bà H còn nợ chị Th tổng cộng là 89.000.000 đồng, bà Hằng cho rằng do tin tưởng chị Th nên bà không có đọc lại nội dung biên nhận và chị Th cũng không có đọc lại nội dung cho bà nghe, tuy nhiên bà H thừa nhận chữ ký tên Hằng và dòng chữ “*đã đọc*” trong biên nhận ngày 20/9/2019 là do bà ký, bà viết. Mặc dù bà H cho rằng số tiền bà nợ chị Th khoảng 20.000.000 đồng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H vẫn không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà nên việc chị Th yêu cầu bà H trả số tiền nêu trên là có căn cứ. Việc bà H xin trả dần số tiền còn nợ và kéo dài thời gian trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th là buộc bà H phải có nghĩa vụ trả dứt số tiền vay là 64.400.000 đồng, tiền hội là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 84.400.000 đồng trong một lần là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 4.600.000 đồng nên căn cứ vào quy định của pháp luật HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này.

Về tiền lãi: Do chị Th không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật như những nhận định nêu trên, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn chị Phù Thạch Th được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Trần Thanh Hà phải chịu án phí với số tiền là 84.400.000 đồng x 5% = 4.220.000đ. Nguyên đơn chị Phù Thạch Th không phải chịu án phí, chị Th được nhận lại 2.225.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006631, ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 243, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Nghị Định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 và Nghị Định số: 144/2006/NĐ – CP, ngày 27/11/2016

Tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phù Thạch Th

Xử:

1. Buộc bà Trần Thanh H phải có trách nhiệm trả cho chị Phù Thạch Th số tiền vay gốc là 64.400.000 đồng, tiền hui gố là 20.000.000 đồng, tổng cộng là: 84.400.000đ (Tám mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng), chị Th không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền là 4.600.000đ(Bốn triệu sáu trăm ngàn đồng), trong đó tiền vay là 1.600.000đ, tiền hui là 3.000.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Trần Thanh H phải chịu án phí với số tiền là 84.400.000 đồng x 5% = 4.220.000đ. Nguyên đơn chị Phù Thạch Th không phải chịu án phí, chị Thảo được nhận lại 2.225.000đ tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006631, ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Pì Sách

